

Số: /QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày tháng 9 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định danh mục các thông số về chất lượng nước sạch sử dụng  
cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BYT, ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ  
trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và quy định kiểm tra, giám  
sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt; được sửa đổi, bổ sung tại  
Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15 tháng 12 năm 2021;*

*Theo đề nghị của Sở Y tế tại Văn bản số 2254/NVY&QLHN ngày 29/8/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục các thông số về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. Tổng số bao gồm 31 thông số, trong đó có 08 thông số nhóm A và 23 thông số nhóm B (chi tiết danh mục tại Phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Các quy định về kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Phú Thọ thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15/12/2021.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành: Y tế, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Công Thương, Tư pháp; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành, thị;
- CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, NN1, TH6, VX3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hồ Đại Dũng**

**Phụ lục: Danh mục các thông số về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục  
đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2023  
của UBND tỉnh Phú Thọ)*

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép (QCVN 01-1: 2018/BYT)
<b>Các thông số nhóm A</b>			
	<b>Thông số vi sinh vật</b>		
1	Coliform	CFU/100 mL	<3
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	<1
	<b>Thông số cảm quan và vô cơ</b>		
3	Arsenic (As) <sup>(*)</sup>	mg/L	0,01
4	Clo dư tự do <sup>(**)</sup>	mg/L	Trong khoảng 0,2 - 1,0
5	Độ đục	NTU	2
6	Màu sắc	TCU	15
7	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ
8	pH	-	Trong khoảng 6,0-8,5
<b>Các thông số nhóm B</b>			
	<b>Thông số vi sinh vật</b>		
9	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100mL	< 1
10	Trực khuẩn mũ xanh (Ps. Aeruginosa)	CFU/100mL	< 1
	<b>Thông số vô cơ</b>		
11	Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/L	0,3
12	Cadmi (Cd)	mg/L	0,003
13	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/L	0,01
14	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	2
15	Chromi (Cr)	mg/L	0,05
16	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/L	1
17	Độ cứng, tính theo CaCO <sub>3</sub>	mg/L	300

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép (QCVN 01-1: 2018/BYT)
18	Fluor (F)	mg/L	1,5
19	Mangan (Mn)	mg/L	0,1
20	Nhôm (Aluminium) (Al)	mg/L	0,2
21	Nickel (Ni)	mg/L	0,07
22	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N)	mg/L	2
23	Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> tính theo N)	mg/L	0,05
24	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/L	0,3
25	Seleni (Se)	mg/L	0,01
26	Sunphat	mg/L	250
27	Xyanua (CN)	mg/L	0,05
	<b>Thông số hữu cơ</b>		
	<i>Nhóm hydrocacbua thơm</i>		
28	Benzen	µg/L	10
29	Phenol và dẫn xuất của Phenol	µg/L	1
	<b>Thông số hóa chất bảo vệ thực vật</b>		
30	Chlorpyrifos	µg/L	30
	<b>Thông số hóa chất khử trùng và sản phẩm phụ</b>		
31	Chloroform	µg/L	300

**Chú thích:**

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.
- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.
- Dấu (-) là không có đơn vị tính.
- Hai chất Nitrit và Nitrat đều có khả năng tạo Methemoglobin. Do vậy, trong trường hợp hai chất này đồng thời có mặt trong nước sinh hoạt thì tổng tỷ lệ nồng độ (C) của mỗi chất so với giới hạn tối đa (GHTĐ) của chúng không được lớn hơn 1 và được tính theo công thức sau:

$$C_{\text{nitrat}}/\text{GHTĐ}_{\text{nitrat}} + C_{\text{nitrit}}/\text{GHTĐ}_{\text{nitrit}} \leq 1$$

- CFU là chữ viết tắt của cụm từ tiếng Anh "Colony Forming Unit" có nghĩa là đơn vị hình thành khuẩn lạc.

- NTU là chữ viết tắt của cụm từ tiếng Anh “Nephelometric Turbidity Unit” có nghĩa là đơn vị đo độ đục.

- TCU là chữ viết tắt của cụm từ tiếng Anh “True Color Unit” có nghĩa là đơn vị đo màu sắc.

- Phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm thông số chất lượng nước sạch được quy định tại Phụ lục số 01 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1: 2018/BYT) ban hành theo thông tư 41/2018/TT-BYT, ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế.